

Số: 3904/UBND-KTTH

Quảng Ngãi, ngày 04 tháng 8 năm 2022

V/v đề xuất kế hoạch và  
dự toán hỗ trợ doanh nghiệp  
nhỏ và vừa năm 2023 và  
giai đoạn 2023-2025

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Thực hiện Công văn số 5185/BKHĐT-PTDN ngày 28/7/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí hỗ trợ DNNVV năm 2023 và giai đoạn 2023-2025; Căn cứ vào tình hình phát triển DNNVV và khả năng nguồn lực của địa phương, UBND tỉnh Quảng Ngãi đề xuất kế hoạch Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2023 và giai đoạn 2023-2025, cụ thể như sau:

## I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN HỖ TRỢ DNNVV NĂM 2022

### 1. Kết quả thực hiện hỗ trợ DNNVV năm 2022

UBND tỉnh Quảng Ngãi đã phê duyệt Đề án Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2022- 2025 tại Quyết định số 1325/QĐ-UBND ngày 30/12/2021, đồng thời bố trí 4,50 tỷ đồng để các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện Đề án trong năm 2022.

#### \* Số liệu tổng hợp kết quả thực hiện hỗ trợ DNNVV năm 2022:

Tổng kinh phí đang thực hiện hỗ trợ DNNVV: 4,50 tỷ đồng. Trong đó:

- Từ nguồn ngân sách Trung ương: Không đồng.
- Từ nguồn ngân sách địa phương: 4,50 tỷ đồng.
- Từ nguồn đóng góp, chi trả của DNNVV: Không đồng.
- Từ nguồn huy động, tài trợ: Không đồng.

### 2. Thuận lợi, khó khăn

#### a) Thuận lợi:

- Chính phủ đã ban hành Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12/6/2017.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT ngày 10/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số điều của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- UBND tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành Quyết định số 1325/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 Phê duyệt Đề án Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2022- 2025.

*b) Khó khăn:*

- Đến nay Bộ Tài chính vẫn chưa có hướng dẫn cơ chế tài chính sử dụng ngân sách nhà nước hỗ trợ DNNVV.

- Hoạt động hỗ trợ tư vấn cho DNNVV cần có mạng lưới tư vấn viên đầy đủ kinh nghiệm thực tiễn, uy tín, đảm bảo tư vấn, hỗ trợ DNNVV nâng cao chất lượng hiệu quả kinh doanh ; tuy nhiên, ở địa phương DNNVV tiếp cận mạng lưới tư vấn viên để được hỗ trợ sử dụng dịch vụ tư vấn (về nhân sự, tài chính, sản xuất, bán hàng, thị trường, quản trị nội bộ và các nội dung khác liên quan tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp) còn rất hạn chế, rất cần sự hỗ trợ của Trung ương, đặc biệt là chia sẻ từ các hoạt động theo chương trình hỗ trợ của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các Bộ ngành liên quan.

- Hoạt động hỗ trợ DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị trong lĩnh vực sản xuất, chế biến gặp nhiều khó khăn khi lựa chọn DNNVV phải đáp ứng đồng thời các tiêu chí quy định tại Điều 23, Điều 24 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ.

- Sự phối hợp trong hỗ trợ DNNVV giữa các sở, ban ngành, UBND cấp huyện, thị xã, thành phố còn chưa chặt chẽ và thường xuyên, nguyên nhân chính do từng cơ quan theo chức năng, nhiệm vụ triển khai mà chưa có sự gắn kết giữa nhiều ngành, lĩnh vực với nhau.

- Đội ngũ cán bộ phụ trách công tác hỗ trợ DNNVV tại các cơ quan nhà nước chủ yếu thực hiện nhiệm vụ kiêm nhiệm nên còn lúng túng trong việc hỗ trợ DNNVV.

### **3. Kiến nghị**

- Bộ Tài chính sớm có văn bản hướng dẫn cơ chế tài chính sử dụng ngân sách nhà nước hỗ trợ DNNVV.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư khi triển khai thực hiện hỗ trợ cho DNNVV giai đoạn 2023-2025, đề nghị quan tâm, hỗ trợ nhiều hơn cho các địa phương, nhất là về cách thức, mô hình triển khai hỗ trợ DNNVV cũng như kinh phí thực hiện.

- Các Bộ, ngành Trung ương sớm tham mưu sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, cản trở hoạt động đầu tư, kinh doanh của doanh nghiệp, cũng như quan tâm sửa đổi các thủ tục hành chính theo hướng đơn giản hóa, tạo thuận lợi cho tổ chức, doanh nghiệp.

- Quan tâm bồi dưỡng kiến thức cho đội ngũ cán bộ làm công tác hỗ trợ DNNVV của các địa phương.

## **II. ĐỀ XUẤT KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN NSNN HỖ TRỢ DNNVV NĂM 2023**

## **1. Dự kiến kế hoạch hỗ trợ công nghệ; tư vấn; đào tạo; hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo; hỗ trợ DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị năm 2023**

### *a) Sự cần thiết triển khai, các hoạt động hỗ trợ DNNVV*

- Nhằm triển khai đồng bộ, hiệu quả các chính sách, chương trình hỗ trợ DNNVV của Trung ương và Tỉnh nhằm đẩy nhanh tốc độ phát triển, tạo môi trường đầu tư và kinh doanh thuận lợi, bình đẳng, ổn định để các DNNVV trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi phát triển;

- Thúc đẩy DNNVV phát triển, tăng trưởng chất lượng và hiệu quả, tạo nền tảng vững chắc, động lực quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh;

- Thúc đẩy hình thành liên kết giữa các DNNVV, giữa DNNVV và các doanh nghiệp dẫn dắt trong chuỗi (doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp lớn trong nước); hỗ trợ DNNVV tham gia thành công cụm liên kết, chuỗi giá trị trong khu vực và toàn cầu, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế của DNNVV tỉnh;

- Phát triển và gia tăng số lượng, chất lượng các cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị trong lĩnh vực sản xuất, chế biến có lợi thế cạnh tranh của tỉnh Quảng Ngãi;

- Góp phần đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số trong DNNVV tỉnh Quảng Ngãi nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, đóng góp hiệu quả vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh;

- Hỗ trợ các DNNVV khởi nghiệp sáng tạo để hình thành các doanh nghiệp có tính cạnh tranh cao, khả năng tăng trưởng nhanh dựa vào công nghệ và sở hữu trí tuệ, góp phần mạnh mẽ vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

### *b) Nhu cầu của DNNVV trong lĩnh vực, địa bàn phụ trách*

Trong những năm gần đây, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đã có những bước phát triển nhanh cả về số lượng và chất lượng, số doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn tỉnh hiện có trên **7.045** doanh nghiệp, trong đó chủ yếu là DNNVV, chiếm 97% trên tổng số doanh nghiệp của tỉnh nên nhu cầu hỗ trợ của DNNVV là rất cần thiết. Rất mong được sự quan tâm hỗ trợ từ Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các Bộ, ngành liên quan.

### *c) Năng lực tổ chức, thực hiện; phối hợp thực hiện*

UBND tỉnh Quảng Ngãi đã triển khai giao nhiệm vụ chi tiết cụ thể cho các sở, ban ngành, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh, các cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện đồng bộ Đề án Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2022- 2025 tại Quyết định số 1325/QĐ-UBND ngày 30/12/2021; đảm bảo thực hiện tốt hỗ trợ DNNVV.

### *d) Số lượng DNNVV dự kiến thực hiện hỗ trợ; nội dung hỗ trợ*

- Hỗ trợ công nghệ cho DNNVV: **42 Doanh nghiệp.**

- Hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo: 96 Doanh nghiệp.
- Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho DNNVV gồm: Hỗ trợ 06 Khóa đào tạo khởi sự kinh doanh; 02 Khóa đào tạo quản trị doanh nghiệp cơ bản; 01 Khóa đào tạo quản trị doanh nghiệp chuyên sâu và 22 Khóa đào tạo tại doanh nghiệp sản xuất, chế biến.
- Hỗ trợ tư vấn cho DNNVV: 54 Doanh nghiệp.
- Hỗ trợ tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị cho DNNVV gồm: 224 Doanh nghiệp; 10 Học viên được Hỗ trợ chi phí đào tạo cho học viên của doanh nghiệp khi tham gia các khóa đào tạo chuyên sâu theo nhu cầu phát triển của ngành, chuỗi giá trị và hỗ trợ 20 Khóa đào tạo nâng cao trình độ công nghệ, kỹ thuật sản xuất chuyên sâu tại doanh nghiệp.

## 2. Số liệu tổng hợp về đề xuất kinh phí thực hiện hỗ trợ DNNVV năm 2023

- Tổng nhu cầu kinh phí hỗ trợ DNNVV: **24.039.200.000** đồng.

*Trong đó:*

- + Từ nguồn ngân sách Trung ương: 7.211.760.000 đồng.
- + Từ nguồn ngân sách địa phương: 16.827.440.000 đồng.
- + Từ nguồn đóng góp, chi trả của DNNVV: Không đồng.
- + Từ nguồn huy động, tài trợ: Không đồng.

*(Chi tiết số liệu tại Biểu 1, Biểu 2, Biểu 3)*

## III. ĐỀ XUẤT KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN NSNN HỖ TRỢ DNNVV GIAI ĐOẠN 2023-2025

- Tổng nhu cầu kinh phí hỗ trợ DNNVV: **64.186.000.000** đồng.

*Trong đó:*

- + Từ nguồn ngân sách trung ương: 19.255.800.000 đồng.
- + Từ nguồn ngân sách địa phương: 44.930.200.000 đồng.
- + Từ nguồn đóng góp, chi trả của DNNVV: Không đồng.
- + Từ nguồn huy động, tài trợ: Không đồng.

Kính báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư./.

### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ Tài chính (b/cáo);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: KH&ĐT, Tài chính;
- VPUB: CVP, CBTH;
- Lưu : VT, KTTH.

**KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



Võ Phiên



DVT: đồng

TT	Nội dung hỗ trợ		Số kinh phí NSNN hỗ trợ	Số kinh phí DNNVV chi trả/ học phí của học viên	Số kinh phí tài trợ (nếu có)	Tổng chi phí	Căn cứ Quyết định số 1325/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi	Ghi chú
	a	b						
<b>I</b>	<b>Hỗ trợ công nghệ cho DNNVV</b>		<b>3.480.000.000</b>	0	0	<b>3.480.000.000</b>		
1	Hỗ trợ công nghệ cho DNNVV		3.480.000.000	0	0			
<b>II</b>	<b>Hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo</b>		<b>3.360.000.000</b>	0	0	<b>3.360.000.000</b>		
1	Hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo		3.360.000.000	0	0			
<b>III</b>	<b>Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho DNNVV</b>		<b>1.640.000.000</b>	0	0	<b>1.640.000.000</b>		
1	Đào tạo trực tiếp về khởi sự kinh doanh và quản trị doanh nghiệp		1.640.000.000	0	0			
2	Đào tạo trực tuyến		0	0	0			
3	Đào tạo kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến		0	0	0			
<b>IV</b>	<b>Hỗ trợ tư vấn cho DNNVV</b>		<b>4.320.000.000</b>	0	0	<b>4.320.000.000</b>		
1	Hỗ trợ tư vấn cho DNNVV		4.320.000.000	0	0			
2	Quản lý, vận hành, duy trì mạng lưới tư vấn viên		0	0	0			
<b>V</b>	<b>Hỗ trợ DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị</b>		<b>10.800.000.000</b>	0	0	<b>10.800.000.000</b>		
1	Hỗ trợ DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị		10.800.000.000	0	0			
<b>VI</b>	<b>Quản lý hoạt động hỗ trợ DNNVV</b>		<b>439.200.000</b>	0	0	<b>439.200.000</b>		
1	Quản lý chung hoạt động hỗ trợ DNNVV		0	0	0			
2	Quản lý trực tiếp hoạt động hỗ trợ DNNVV		439.200.000	0	0			
<b>Tổng cộng (=I+II+III+IV+V+VI)</b>			<b>24.039.200.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>24.039.200.000</b>		

*(Bảng chữ: Hai mươi bốn tỷ, không trăm ba mươi chín triệu, hai trăm nghìn đồng)*

**Biểu 2: Kế hoạch và dự toán kinh phí hỗ trợ DNNVV về công nghệ; tư vấn; hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo; hỗ trợ DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị năm 2023**



(Kèm theo Công văn số 3904 /UBND-KTTH ngày 04/8/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

*ĐVT: đồng*

TT	Hoạt động/ Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức hỗ trợ từ		Số kinh phí NSNN hỗ trợ (tối đa)	Số kinh phí DNNVV chi trả	Số kinh phí tài trợ (nếu có)	Tổng chi phí	Căn cứ Quyết định số 1325/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi	Ghi chú
				Tỷ lệ %	Số kinh phí						
a	b	c	d	đ	e	g = d x e	h	i	k = g+h+i		m
<b>I</b>	<b>Hỗ trợ công nghệ cho DNNVV (=1+2+3+4)</b>								<b>3.480.000.000</b>		
1	Hỗ trợ tư vấn giải pháp chuyển đổi số	DN							<b>600.000.000</b>		
1.1	Hỗ trợ tư vấn chuyển đổi số cho doanh nghiệp nhỏ	DN	4	50%	50.000.000	200.000.000	0	0	200.000.000		
1.2	Hỗ trợ tư vấn chuyển đổi số cho doanh nghiệp vừa	DN	4	50%	100.000.000	400.000.000	0	0	400.000.000		
2	Hỗ trợ chi phí thuế, mua các giải pháp chuyển đổi số	DN							<b>680.000.000</b>		
2.1	Hỗ trợ thuế, mua giải pháp chuyển đổi số cho doanh nghiệp siêu nhỏ	DN	4	50%	20.000.000	80.000.000	0	0	80.000.000		
2.2	Hỗ trợ thuế, mua giải pháp chuyển đổi số cho doanh nghiệp nhỏ	DN	4	50%	50.000.000	200.000.000	0	0	200.000.000		
2.3	Hỗ trợ thuế, mua giải pháp chuyển đổi số cho doanh nghiệp vừa	DN	4	50%	100.000.000	400.000.000	0	0	400.000.000		

TT	Hoạt động/ Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức hỗ trợ từ NSNN		Số kinh phí NSNN hỗ trợ (tối đa)	Số kinh phí DNN VV chi trả	Số kinh phí tài trợ (nếu có)	Tổng chi phí	Căn cứ Quyết định số 1325/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi	Ghi chú
				Tỷ lệ %	Số kinh phí						
a	b	c	d	đ	e	g = d x e	h	i	k = g+h+i		m
3	Hỗ trợ hợp đồng tư vấn xác lập quyền sở hữu, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ của doanh nghiệp	DN	16	50%	100.000.000	1.600.000.000	0	0	1.600.000.000		
4	Hỗ trợ hợp đồng tư vấn chuyên giao công nghệ phù hợp với doanh nghiệp	DN	6	50%	100.000.000	600.000.000	0	0	600.000.000		
II	Hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo (=1+2+3+4+5+6)								3.360.000.000		
1	Hỗ trợ sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung	DN							150.000.000		
1.1	Hỗ trợ chi phí sử dụng trang thiết bị tại cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung	DN	6	100%	20.000.000	120.000.000	0	0	120.000.000		
1.2	Hỗ trợ chi phí thuê mặt bằng tại các cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung	DN	6	50%	5.000.000	30.000.000	0	0	30.000.000		
2	Hỗ trợ tư vấn sở hữu trí tuệ, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ	DN							980.000.000		
2.1	Hỗ trợ hợp đồng tư vấn về thủ tục xác lập, chuyên giao, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước	DN	8	100%	30.000.000	240.000.000	0	0	240.000.000		
2.2	Hỗ trợ hợp đồng tư vấn về xây dựng bản mô tả sáng chế, bản thiết kế kiểu dáng công nghiệp, bản thiết kế hệ thống nhận diện thương hiệu	DN	8	100%	30.000.000	240.000.000	0	0	240.000.000		

TT	Hoạt động/ Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức hỗ trợ từ NSNN		Số kinh phí NSNN hỗ trợ (tối đa)	Số kinh phí DNN VV chi trả	Số kinh phí tài trợ (nếu có)	Tổng chi phí	Căn cứ Quyết định số 1325/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi	Ghi chú
				Tỷ lệ %	Số kinh phí						
				d	e						
a	b	c	d	d	e	$g = d \times e$	h	i	$k = g + h + i$		m
2.3	Hỗ trợ hợp đồng tư vấn quản lý và phát triển các sản phẩm, dịch vụ được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước	DN	8	100%	50.000.000	400.000.000	0	0	400.000.000		
2.4	Hỗ trợ hợp đồng tư vấn xác lập chuyển giao, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ ở nước ngoài	DN	2	50%	50.000.000	100.000.000	0	0	100.000.000		
3	Hỗ trợ thực hiện các thủ tục về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng; thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm, mô hình kinh doanh mới	DN							660.000.000		
3.1	Hỗ trợ hợp đồng tư vấn								360.000.000		
3.1.1	Hỗ trợ hợp đồng tư vấn để doanh nghiệp xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn cơ sở	DN	6	100%	10.000.000	60.000.000	0	0	60.000.000		
3.1.2	Hỗ trợ hợp đồng tư vấn để doanh nghiệp xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng	DN	6	100%%	50.000.000	300.000.000	0	0	300.000.000		
3.2	Hỗ trợ chi phí thử nghiệm mẫu phương tiện đo; chi phí kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; chi phí cấp dấu định lượng của hàng đóng gói sẵn, phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường	DN	8	50%	10.000.000	80.000.000	0	0	80.000.000		
3.3	Hỗ trợ chi phí thử nghiệm sản phẩm mới tại các đơn vị, tổ chức thử nghiệm sản phẩm hàng hóa	DN	4	50%	30.000.000	120.000.000	0	0	120.000.000		



TT	Hoạt động/ Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức hỗ trợ từ NSNN		Số kinh phí NSNN hỗ trợ (tối đa)	Số kinh phí DNN VV chi trả	Số kinh phí tài trợ (nếu có)	Tổng chi phí	Căn cứ Quyết định số 1325/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi	Ghi chú
				Tỷ lệ %	Số kinh phí						
a	b	c	d	đ	e	g = d x e	h	i	k = g+h+i		m
3.4	Hỗ trợ hợp đồng tư vấn hoàn thiện sản phẩm mới, dịch vụ mới, mô hình kinh doanh mới, công nghệ mới	DN	2	50%	50.000.000	100.000.000	0	0	100.000.000		
4	Hỗ trợ tư vấn tìm kiếm, lựa chọn, giải mã và chuyển giao công nghệ phù hợp với doanh nghiệp	DN	2	50%	100.000.000	200.000.000	0	0	200.000.000		
5	Hỗ trợ đào tạo, huấn luyện chuyên sâu	DN							130.000.000		
5.1	Hỗ trợ chi phí tham gia các khóa đào tạo chuyên sâu trong nước cho học viên của doanh nghiệp về xây dựng, phát triển sản phẩm; thương mại hóa sản phẩm; phát triển thương mại điện tử; gọi vốn đầu tư; phát triển thị trường; kết nối mạng lưới khởi nghiệp với các tổ chức, cá nhân nghiên cứu khoa học	DN	6	50%	5.000.000	30.000.000	0	0	30.000.000		
5.2	Hỗ trợ chi phí tham gia các khóa đào tạo, huấn luyện chuyên sâu ngắn hạn ở nước ngoài	DN	2	50%	50.000.000	100.000.000	0	0	100.000.000		
6	Hỗ trợ xúc tiến thương mại, kết nối mạng lưới khởi nghiệp sáng tạo	DN							1.240.000.000		
6.1	Hỗ trợ hợp đồng tư vấn đăng ký thành công tài khoản bán sản phẩm, dịch vụ trên các sàn thương mại điện tử quốc tế	DN	6	50%	100.000.000	600.000.000	0	0	600.000.000		

TT	Hoạt động/ Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức hỗ trợ từ NSNN			Số kinh phí NSNN hỗ trợ (tối đa)	Số kinh phí DNN VV chi trả	Số kinh phí tài trợ (nếu có)	Tổng chi phí	Chân cứ Quyết định số 1325/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi	Ghi chú
				Tỷ lệ %	Số kinh phí							
				d	e	g = d x e						
a	b	c	d	e	g = d x e	h	i	k = g+h+i	m			
6.2	Hỗ trợ chi phí duy trì tài khoản trên các sàn thương mại điện tử trong nước và quốc tế	DN	6	50%	50.000.000	300.000.000	0	0	300.000.000			
6.3	Hỗ trợ chi phí thuê địa điểm, thiết kế và dàn dựng gian hàng, vận chuyển sản phẩm trưng bày, chi phí đi lại, chi phí ăn, ở cho đại diện của doanh nghiệp tham gia hội chợ triển lãm xúc tiến thương mại	DN							220.000.000			
6.3.1	Hội chợ triển lãm xúc tiến thương mại trong nước	DN	4		30.000.000	120.000.000	0	0	120.000.000			
6.3.2	Hội chợ triển lãm xúc tiến thương mại nước ngoài	DN	2		50.000.000	100.000.000	0	0	100.000.000			
6.4	Hỗ trợ chi phí tham gia các cuộc thi quốc tế về khởi nghiệp sáng tạo tế về khởi nghiệp sáng tạo	DN	4	50%	30.000.000	120.000.000	0	0	120.000.000			
III	<b>Hỗ trợ tư vấn cho DNNVV (=1+2+3)</b>								<b>4.320.000.000</b>			
1	Hỗ trợ tư vấn cho DN siêu nhỏ								<b>1.920.000.000</b>			
1.1	Tư vấn cho doanh nghiệp siêu nhỏ	DN	30	100%	50.000.000	1.500.000.000	0	0	1.500.000.000			
1.2	Tư vấn cho doanh nghiệp siêu nhỏ do phụ nữ làm chủ, doanh nghiệp siêu nhỏ sử dụng nhiều lao động nữ, doanh nghiệp siêu nhỏ là doanh nghiệp xã hội (nếu có)	DN	6	100%	70.000.000	420.000.000	0	0	420.000.000			
2	Hỗ trợ tư vấn cho DN nhỏ								<b>1.100.000.000</b>			

TT	Hoạt động/ Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức hỗ trợ từ NSNN		Số kinh phí NSNN hỗ trợ (tối đa)	Số kinh phí DNN VV chi trả	Số kinh phí tài trợ (nếu có)	Tổng chi phí	Căn cứ Quyết định số UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi	Ghi chú
				Tỷ lệ %	Số kinh phí						
a	b	c	d	đ	e	g = d x e	h	i	k = g+h+i		m
2.1	Tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ	DN	8	50%	100.000.000	800.000.000	0	0	800.000.000		
2.2	Tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ do phụ nữ làm chủ, doanh nghiệp nhỏ sử dụng nhiều lao động nữ và doanh nghiệp nhỏ là doanh nghiệp xã hội (nếu có)	DN	2	50%	150.000.000	300.000.000	0	0	300.000.000		
3	Hỗ trợ tư vấn cho DN vừa										
3.1	Tư vấn cho doanh nghiệp vừa	DN	6	30%	150.000.000	900.000.000	0	0	1.300.000.000		
3.2	Tư vấn cho doanh nghiệp vừa do phụ nữ làm chủ, doanh nghiệp vừa sử dụng nhiều lao động nữ và doanh nghiệp vừa là doanh nghiệp xã hội (nếu có)	DN	2	30%	200.000.000	400.000.000	0	0	400.000.000		
IV	Hỗ trợ DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị (=1+2+3+4+5)										
1	Đào tạo										
1.1	Hỗ trợ chi phí tổ chức khóa đào tạo nâng cao trình độ công nghệ, kỹ thuật sản xuất chuyên sâu tại doanh nghiệp	Khóa	20	50%	50.000.000	1.000.000.000	0	0	10.800.000.000		
1.2	Hỗ trợ chi phí đào tạo cho học viên của doanh nghiệp khi tham gia các khóa đào tạo chuyên sâu theo nhu cầu phát triển của ngành, chuỗi giá trị	Học viên	10	50%	10.000.000	100.000.000	0	0	1.100.000.000		
2	Hỗ trợ nâng cao năng lực liên kết sản xuất và kinh doanh	DN							1.000.000.000		

TT	Hoạt động/ Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức hỗ trợ từ NSNN		Số kinh phí NSNN hỗ trợ (tối đa)	Số kinh phí DNN VV chi trả	Số kinh phí tài trợ (nếu có)	Tổng chi phí	Căn cứ Quyết định số 1325/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi	Ghi chú
				Tỷ lệ %	Số kinh phí						
a	b	c	d	đ	e	g = d x e	h	i	k = g+h+i		m
2.1	Hỗ trợ hợp đồng tư vấn đánh giá toàn diện năng lực của DNNVV trong cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị	DN	20	100%	30.000.000	600.000.000	0	0	600.000.000		
2.2	Hỗ trợ hợp đồng tư vấn cải tiến, nâng cấp kỹ thuật chuyên sâu cho doanh nghiệp nhỏ và vừa nhằm cải thiện năng lực sản xuất, đáp ứng yêu cầu kết nối, trở thành nhà cung cấp của doanh nghiệp đầu chuỗi	DN	4	100%	100.000.000	400.000.000	0	0	400.000.000		
3	Hỗ trợ phát triển thương hiệu, kết nối và mở rộng thị trường								5.600.000.000		
3.1	Hỗ trợ hợp đồng tư vấn đăng ký thành công tài khoản bán sản phẩm, dịch vụ trên các sàn thương mại điện tử quốc tế	DN	20	50%	100.000.000	2.000.000.000	0	0	2.000.000.000		
3.2	Hỗ trợ chi phí duy trì tài khoản trên các sàn thương mại điện tử trong nước và quốc tế	DN	20	50%	50.000.000	1.000.000.000	0	0	1.000.000.000		
3.3	Hỗ trợ chi phí thuê địa điểm, thiết kế và dân dựng gian hàng, vận chuyển sản phẩm trưng bày, chi phí đi lại, chi phí ăn, ở cho đại diện của doanh nghiệp tham gia tại hội chợ triển lãm xúc tiến thương mại								1.200.000.000		

TT	Hoạt động/ Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức hỗ trợ từ NSNN		Số kinh phí NSNN hỗ trợ (tối đa)	Số kinh phí DNN VV chi trả	Số kinh phí tài trợ (nếu có)	Tổng chi phí	Căn cứ Quyết định số UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi	Ghi chú
				Tỷ lệ %	Số kinh phí						
a	b	c	d	đ	e	g = d x e	h	i	k = g+h+i		m
3.3.1	Hội chợ triển lãm xúc tiến thương mại trong nước	DN	10		50.000.000	500.000.000	0	0	500.000.000		
3.3.2	Hội chợ triển lãm xúc tiến thương mại nước ngoài	DN	10		70.000.000	700.000.000	0	0	700.000.000		
3.4	Hỗ trợ hợp đồng tư vấn về thủ tục xác lập, chuyển giao, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước	DN	20	100%	50.000.000	1.000.000.000	0	0	1.000.000.000		
3.5	Hỗ trợ hợp đồng tư vấn tìm kiếm thông tin, quảng bá sản phẩm, phát triển thương hiệu cụm liên kết ngành và chuỗi giá trị	DN	20	100%	20.000.000	400.000.000	0	0	400.000.000		
4	Hỗ trợ tư vấn về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng										
4.1	Hỗ trợ hợp đồng tư vấn								900.000.000		
4.1.1	Hỗ trợ hợp đồng tư vấn để doanh nghiệp xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn cơ sở	DN	10	100%	10.000.000	100.000.000	0	0	100.000.000		
4.1.2	Hỗ trợ hợp đồng tư vấn xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng	DN	10	100%	50.000.000	500.000.000	0	0	500.000.000		
4.2	Chi phí thử nghiệm mẫu phương tiện đo; chi phí kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; chi phí cấp dấu định lượng của hàng đóng gói sẵn phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường	DN	10	50%	10.000.000	100.000.000	0	0	100.000.000		

TT	Hoạt động/ Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức hỗ trợ từ		Số kinh phí NSNN hỗ trợ (tối đa)	Số kinh phí DNN VV chi trả	Số kinh phí tài trợ (nếu có)	Tổng chi phí	Cơ sở Quyết định số 1325/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi	Ghi chú
				Tỷ lệ %	Số kinh phí						
a	b	c	d	đ	e	g = d x e	h	i	k = g+h+i		m
4.3	Chi phí cấp chứng nhận sản phẩm phù hợp quy chuẩn kỹ thuật	DN	10	100%	20.000.000	200.000.000	0	0	200.000.000		
5	Hỗ trợ thực hiện các thủ tục về sản xuất thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng	DN							2.200.000.000		
5.1	Hỗ trợ chi phí thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hóa; chi phí chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng	DN	20	100%	30.000.000	600.000.000	0	0	600.000.000		
5.2	Hỗ trợ chi phí đặt hàng các cơ sở, viện, trường để nghiên cứu thử nghiệm phát triển các sản phẩm, dịch vụ	DN	20	50%	30.000.000	600.000.000	0	0	600.000.000		
5.3	Hỗ trợ chi phí sử dụng trang thiết bị tại cơ sở kỹ thuật hỗ trợ DNNVV	DN	20	50%	50.000.000	1.000.000.000	0	0	1.000.000.000		
V	Quản lý trực tiếp hoạt động hỗ trợ DNNVV về công nghệ; hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo; hỗ trợ tư vấn; hỗ trợ DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị: $= (I+II+III+IV) * 2\%$			2%					439.200.000		
	<b>Tổng cộng (=I+II+III+IV+V)</b>								<b>22.399.200.000</b>		

**Biên bản Kế hoạch và dự toán kinh phí hỗ trợ DNNVV về đào tạo năm 2023**

(Kèm theo Công văn số 3904 /UBND-KTTH ngày 04/8/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: đồng

TT	Nội dung (khóa đào tạo/địa bàn)	Số khóa đào tạo	Số học viên tham dự	Tổng chi phí	Phân chia nguồn			Căn cứ Quyết định số 1325/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi	Ghi chú
					NSNN hỗ trợ	Nguồn thu học phí của học viên	Nguồn tài trợ (nếu có)		
a	b	c	d	$d=(e+g+h)*c$	e	g	h	i	k
I	Đào tạo trực tiếp về khởi sự kinh doanh và quản trị doanh nghiệp			1.640.000.000					
1	Khóa đào tạo khởi sự kinh doanh	6	35	240.000.000	40.000.000	0	0		
2	Khóa đào tạo quản trị doanh nghiệp cơ bản	2	35	180.000.000	60.000.000	30.000.000	0		
3	Khóa đào tạo quản trị doanh nghiệp chuyên sâu	1	30	120.000.000	60.000.000	60.000.000	0		
4	Khóa đào tạo tại doanh nghiệp sản xuất, chế biến	22	30	1.100.000.000	50.000.000	0	0		